

Số: 945/2022/QĐST-HNGĐ

Ba Đình, ngày 21 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào các Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Điều 37, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 934/2022/TLST-VHNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 về yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:

- Anh **Lê Duy L.** Sinh năm: 1995. HKTT: xóm 5, thôn T, xã B, huyện K, tỉnh H. Nơi làm việc: Số 101 ngõ 55 đường H, phường N, quận B, thành phố H.

- Chị **Bùi Thị Khánh L.** Sinh năm: 1996. HKTT và nơi cư trú: xóm 5, thôn T, xã B, huyện K, tỉnh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 13 tháng 12 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận B, thành phố H của người yêu cầu là tự nguyện; Việc thuận tình ly hôn và các nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

[2] Quan hệ hôn nhân của anh Lê Duy L và chị Bùi Thị Khánh L là hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57/2015, quyền số 01/2015 tại UBND xã B, huyện K, tỉnh H vào ngày 23 tháng 12 năm 2015.

[3] Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: 1. Về tình cảm: Anh **Lê Duy L** và chị **Bùi Thị Khánh L** thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Lê Duy L và chị Bùi Thị Khánh L xác nhận có hai con chung là cháu Lê Kỳ V, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2016 và cháu Lê Hà V, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2021. Khi ly hôn vợ chồng thỏa thuận anh L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Kỳ V và chị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Hà V. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Anh Lê Duy L và chị Bùi Thị Khánh L có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh Lê Duy L và chị Bùi Thị Khánh L xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn hai bên tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

- Về các khoản vay nợ: Anh Lê Duy L và chị Bùi Thị Khánh L xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Lê Duy L tự nguyện chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0002783 ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;
- UBND xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Nhung